

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 100/2019/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ hỗ trợ đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện
và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động
làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy
ngày 03/6/2008;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003
của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt
động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy
định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động
làm việc tại cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và
cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người
cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/4/2016 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp
đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở quản lý người
nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Xét Tờ trình số 4382/TTr-UBND ngày 19/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh
quy định chế độ hỗ trợ đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ
cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở
cai nghiện ma túy tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định về đối tượng, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, điều kiện, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh.

- Quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, điều động, biệt phái đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang làm công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ (sau đây gọi tắt là công chức, viên chức) làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người đi cai nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Người đi cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đăng ký cai nghiện tự nguyện thông qua Cha, Mẹ hoặc người giám hộ.

c) Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP.

d) Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Công chức, viên chức làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh.

e) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền theo quy định này.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Về chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh

a) Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh được hỗ trợ 100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, được hỗ trợ chỗ ở trong thời gian cai nghiện tại Cơ sở như người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ.

- Hỗ trợ 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường, mức chi thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

- Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh như định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Điều kiện và thời gian hỗ trợ

- Hỗ trợ cho người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh khi đã thực hiện được thời gian cai nghiện ma túy từ 30 ngày trở lên.

- Người đi cai nghiện ma túy chỉ được hưởng các chế độ chính sách đối với cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh là 01 lần trong năm.

2. Về mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh: Mức trợ cấp: 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Kinh phí thực hiện: Do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10/12/2019 và có hiệu lực từ ngày 20/12/2019.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, LĐ-TB và XH;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, LĐ-TB&XH, Tài chính, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng